TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 457/2024/HC-PT
Ngày: 27 - 5 - 2024
V/v Khởi kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, tái định cư.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 108/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, tái định cư".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 175/2023/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 995/2024/QĐPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Số B L, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn T, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số D T, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố V;

Địa chỉ: Số H L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ T1 – Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Dương B – Viên chức Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Công ty cổ phần P2;

Địa chỉ: Số C N (tầng C), Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Thành D – Nhân viên pháp lý (có mặt)

2/ Ông Lê Văn Đ – Nhân viên Phòng Q (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Minh H, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc đất: Năm 1984, vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Trần Văn G (đã chết năm 1995) khai hoang và sử dụng diện tích khoảng hơn 1000m^2 ở khu vực đồi N II có bút tích khai báo trong biên bản làm việc với Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 05/7/2010, đơn xin xác nhận nguồn gốc đất đang ở của bà Nguyễn Thị Minh H ngày 27/01/2011 được Ủy ban nhân dân phường H2 xác nhận ngày 14/02/2011, biên bản xác minh việc sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Minh H ở 259/7 Lê Hồng Phong ngày 29/01/2011.

Năm 1988, Ủy ban nhân dân phường H2 tập hợp tổng số 27 hộ sống rải rác trong khu N để quản lý an ninh nên đã vận động gia đình bà H1 thu hồi hết diện tích trồng màu của gia đình chỉ còn diện tích như hiện nay là 60m^2 có các nhân chứng ghi trong biên bản xác minh kể trên xác nhận. Đây là khu dân cư đan xen với đất trồng rừng, theo đó gia đình bà H sử dụng đất trước thời điểm chính quyền Uỷ ban nhân dân các cấp lập bản đồ giải thửa năm 1989 và Luật đất đai năm 1987.

Trong các hộ ở Khu N có nhiều hộ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ví dụ như hộ ông Nguyễn Văn B1 được Ủy ban nhân dân phường H2 cho đăng ký diện tích 2.077m^2 (Hiện Ông B1 đã bán lại cho rất nhiều người). Năm 2003, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định thu hồi số 9983/QD-UB ngày 29/10/2003 về việc thu hồi diện tích 176.333,6m^2 đất tại Phường H để giao cho Công ty Cổ phần P2, trong đó có diện tích 60m^2 của gia đình bà H.

Ngày 06/4/2007, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 928/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu

hồi đất cho hộ bà H, theo đó bà H được bồi thường tổng số tiền là 22.689.752 đồng. Ngày 25/4/2007, bà H khiếu nại quyết định số 928/QĐ- UBND về việc yêu cầu bồi thường một lô tái định cư và tăng giá bồi thường cho bà H. Ngày 07/11/2007, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 4173/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung cho hộ bà H với số tiền 2.160.000 đồng.

Bà H tiếp tục khiếu nại và đến năm 2010, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định số 460/QĐ-UBND về việc giao 01 lô tái định cư diện tích 64m^2 đất tại Lô C thuộc thừa 04 tờ bản đồ số 29 tại Phường A cho bà H. Ngày 10/3/2010, bà H khiếu nại quyết định số 460/QĐ-UBND với lý do Ủy ban phải cấp đất cho bà H chứ không phải giao đất vì đất bà H bị thu hồi đủ điều kiện để được đền bù giá trị quyền sử dụng đất. Đến ngày 23/3/2010, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 838/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà H với nội dung bác đơn khiếu nại của bà H và giữ nguyên Quyết định số 460/QĐ-UBND. Ngày 01/4/2010, bà H nộp đơn khiếu nại lần hai lên Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 3360/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai và đến ngày 15/12/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh B3 Quyết định số 3360/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà H, theo đó Ủy ban nhân dân tỉnh B4 yêu cầu khiếu nại của bà H và giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 838/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố V. Bà H không đồng ý và tiếp tục khiếu nại vì có tình tiết mới và yêu cầu được bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 60m^2 đất ở tại 2 L, Phường H.

Sau đó bà H tiếp tục khiếu nại và đến ngày 12/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 11028/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung cho bà H với số tiền 123.104.514 đồng và giao 01 lô đất tái định cư theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 03/2/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố V. Tổng số tiền được đền bù, hỗ trợ tại các quyết định của UBND thành V không đủ mua 64m^2 đất ở mới tại khu tái định cư. Đến nay bà H chưa nhận bất cứ khoản tiền nào về bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất .

Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất thì: "Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 của Luật Đất đai, Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất".

Tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không vi phạm pháp luật đất đai quy định với gia đình bà H hội đủ 3 điều kiện:

- Hộ gia đình sử dụng đất có nhà ở từ trước ngày 15/10/1993.

- Được Uỷ ban nhân dân phường nơi có đất xác nhận không có tranh chấp sử dụng đất;

- Việc sử dụng đất từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch.

Do không đồng ý kết luận tại Văn bản số 2947/UBND-TNMT ngày 04/04/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc trả lời đơn của bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Văn bản số 2974/UBND-TNMT ngày 04/04/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị Minh H ở phường H, thành phố V.

- Hủy Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 06/04/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Minh H, địa chỉ 2 L, phường H, thành phố V để xây dựng công trình: Khu B - Phường H, thành phố V và các quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung cho hộ bà Nguyễn Thị Minh H, địa chỉ nơi thu hồi đất số 259/7 Lê Hồng P gồm:

+ Quyết định số 4173/QĐ-UBND ngày 07/11/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố V;

+ Quyết định số 11028/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định bồi thường giá trị quyền sử dụng đất ở có diện tích 60m^2 đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố V và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Theo hồ sơ lưu trữ tại Uỷ ban nhân dân thì diện tích đất thu hồi 45,7m^2 do Nhà nước thu hồi để xây dựng công trình Khu B, Phường H, thành phố V.

- Nguồn gốc sử dụng nhà, đất theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường H2: Đất Nhà nước chưa sử dụng, Phường H cho ở từ năm 1998 đến nay.

- Quá trình lập phương án Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Ngày 06/4/2007, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 928/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Thị Minh H, địa chỉ 2 L, Phường H, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất của để đầu tư xây dựng công trình: Khu B, Phường H thành phố V. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 22.689.752 đồng. + Không Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất diện tích 45,7m^2: 0 đồng. + Bồi thường VKT (điện kế, điện thoại): 1.200.000 đồng. + Các khoản trợ cấp: 21.489.752 đồng. Ngày 07/11/2007, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 4173/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bổ sung cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị Minh H, địa chỉ 2 L, Phường H, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất của để đầu tư xây dựng công trình: Khu Biệt thự Đ, Phường H, thành phố V. Tổng kinh phí hỗ trợ là: 2.160.000 đồng - kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống cho 02 nhân khẩu); Tái định cư: Không.

Ngày 03/2/2010, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 460/QĐ-UBND về việc giao 64,0m^2 đất tại lô C19, thuộc tờ bản đồ địa chính số 29, thửa đất số 04 (Khu tái định cư A lô Phường A), thành phố V cho ông (bà) Nguyễn Thị Minh H sử dụng vào mục đích đất ở. Ngày 23/3/2010, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 838/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Minh H, theo đó, bác đơn yêu cầu cấp tái định cư của bà Nguyễn Thị Minh H và giữ nguyên Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 03/2/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giao 01 lô đất ở mới C19, thuộc tờ bản đồ địa chính số 29, thửa đất số 04 (Khu tái định cư A lô, Phường A), thành phố V cho ông(bà) Nguyễn Thị Minh H sử dụng vào mục đích đất ở.

Ngày 15/12/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 3360/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần 2) của bà Nguyễn Thị Minh H (khiếu nại Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V), theo đó đã bác đơn của bà Nguyễn Thị Minh H về yêu cầu được giao đất tái định cư; Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 838/QĐ-UBND ngày 23/3/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Ngày 12/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết đi 11028/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Nhà nước thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị Minh H, địa chỉ 2 L, Phường H, thành phố V để xây dựng công trình: Khu B, Phường H, thành phố V. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là: 123.104.514 đồng. Cụ thể:

- Hỗ trợ bổ sung giá trị Quyền sử dụng đất diện tích 35,0m^2: 112.280.000 đề (Diện tích 10,7m^2 đất lấn chiếm Nhà nước - không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định);

- Các khoản hỗ trợ (hỗ trợ 20% nhà, VKT, theo Công văn số 2787/UBND-TTr ngày 13/10/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố V): 10.824,514 đồng;

- Giao 01 lô đất ở mới theo Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 03/2/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

Ngày 28/4/2021, bà Nguyễn Thị Minh H có đơn kiến nghị yêu cầu: Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 60,0m^2 đất ở tại số B đường L, thành phố V; Cấp tái định cư; Hỗ trợ tiền thuê nhà và hỗ trợ khác.

Ngày 04/4/2022, Ủy ban nhân dân thành phố V có Văn bản số 2974/UBND- TNMT về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị Minh H ở Phường H, thành phố V.

Theo nội dung đơn của bà Nguyễn Thị Minh H thì bản chất là khiếu nại các Quyết định của Uỷ ban nhân dân thành phố đã ban hành trước năm 2017 (quyết định cuối là Quyết định số 11028/QD-UBND ngày 12/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V); bà H đã nhận được các quyết định này. Do đó, tính đến thời điểm khởi kiện vụ án hành chính là quá 01 năm, quá thời hạn khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H. Trường hợp, Tòa án vẫn tiếp tục thụ lý vụ án hành chính nêu trên, thì qua hồ sơ liên quan và kết quả xác minh, nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H là không có cơ sở. Các nội dung mà hộ dân khiếu nại đã được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố giải quyết khiếu nại theo hướng đã bác đơn của bà Nguyễn Thị Minh H. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố V đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty Cổ phần Phát triển nhà tỉnh P2 trình bày:

Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Đã áp dụng các chính sách theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ xem xét.

Ngoài chính sách bồi thường hỗ trợ của nhà nước thì Công ty Cổ phần Phát triển nhà tỉnh P2 đồng ý hỗ trợ thêm về giá nhà và vật kiến trúc cho gia đình bà H với số tiền 17.330.000 đồng. Hỗ trợ tiền xây dựng nhà theo chính sách xây nhà tình thương trên lô đất được Ủy ban nhân dân thành phố V giao (nếu gia đình bà H tháo dỡ nhà và bàn giao mặt bằng) với số tiền 150.000.000 đồng. Tổng cộng 167.330.000 đồng.

Về thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: Ngày 23/3/2010, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 838/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Minh H. Sau đó, ngày 15/12/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 3360/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Nguyễn Thị Minh H khiếu nại Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V. Theo đó, bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Minh H, công nhận và giữ nguyên nội dung của Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 23/3/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố V. Sau khi giải quyết khiếu nại, ngày 12/12/2016, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 11028/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí trợ bo sung cho hộ bà Nguyễn Thị Minh H. Do vậy tính đến thời điểm bà H khởi kiện vụ án hành chính đã quá 01 năm. Do đó đã quá thời hiệu khởi kiện vụ án theo quy định tại Điều 116 Luật hành chính năm 2015 nên Công ty đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án. Trường hợp Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì công ty đề nghị Tòa án căn cứ các hồ sơ liên quan và kết quả giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân thành phố V, Ủy ban nhân dân tỉnh B để bác đơn khởi kiện của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 175/2023/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H:

- Hủy văn bản số 2974/UBND-TNMT ngày 04/4/2022, Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 06/4/2007, Quyết định số 4173/QĐ-UBND ngày 07/11/2007, Quyết định số 11028/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V đối với nội dung xác định diện tích đất thu hồi của gia đình bà Nguyễn Thị Minh H không đủ điều kiện để bồi thường về đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải phải ban hành lại Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất thực tế của gia đình bà Nguyễn Thị Minh H đang sử dụng bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/12/2023 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện đề nghị hủy bản án sơ thẩm, để xét xử lại và trình bày: Bà H đã xác nhận thời điểm cư trú diễn ra sau khi Ủy ban đã ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường cho bà H, diện tích đất của bà H nằm trong diện tích đất trồng rừng do Nhà nước quản lý.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Minh H (có ông Nguyễn T là đại diện theo ủy quyền) không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm và trình bày: Xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường H2, công an P3 và các biên bản xác minh là đúng trình tự, thủ tục, là căn cứ để giải quyết vụ án. Đây là khu dân cư đan xen, nhiều hộ cư trú và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H đã cư trú từ trước khi có bản đồ năm 1994 và 1995, bản đồ này là do Uỷ ban nhân dân đo vẽ. Năm 1988, Ủy ban nhân dân Phường H2 thực hiện gom dân là trái pháp luật, không đúng thẩm quyền. Sở nông nghiệp và cơ quan kiểm lâm cũng xác nhận đây là đất khu dân cư đan xen, không phải đất rừng nên Sở nông nghiệp và cơ quan kiểm lâm không quản lý phần đất này. Do đó, bà H đủ điều kiện được bồi thường. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại thời hạn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gai tố tụng thực hiện cac1 quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không hủy quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với phần đất của bà H và không đưa Ủy ban nhân dân tỉnh B vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Các chứng cứ trong hồ sơ có sự mâu thuẫn về diện tích đất thu hồi, bồi thường, nhưng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là giải quyết chưa triệt để vụ án và chưa đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, sau khi bà Nguyễn Thị Minh H khiếu nại quá trình thu hồi, bồi thường đối với phần diện tích đất của hộ bà H, thì UBND thành phố V có ý kiến: Phần đất 60,0m^2 bà Nguyễn Thị Minh H có đơn đề nghị bồi thường giá trị quyền sử dụng đất có nguồn gốc là một phần đất nằm trong tổng diện tích 334.260m^2 thuộc thửa đất số 58 tờ bản đồ số 05, ký hiệu "Đất rừng trồng" thể hiện trong Số mục kê năm 1989, do Công ty D1 đứng tên. Bà H

không có tên đăng ký sử dụng đất đối với phần diện tích đất đang sử dụng 60m^2 trong số đăng ký ruộng đất phường H, thành phố V.

Căn cứ Bản đồ thu hồi đất dự án Khu Biệt thự đồi N tại phường H, thành phố V, thì diện tích đất thu hồi tại thửa đất Bà đang sử dụng thuộc thửa 126, tờ bản đồ thu hồi đất số 01, phường H có diện tích là 45,7m^2".

[3] Theo sơ đồ vị trí thửa đất của Chí nhánh Văn phòng Đ1 lập ngày 20/6/2023 thì diện tích đất của gia đình bà Nguyễn Thị Minh H đang sử dụng là lô A + B + D, có tổng diện tích là 56,6m^2. Trong khi đó, các Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 06/4/2007, Quyết định số 4173/QĐ-UBND ngày 07/11/2007 và Quyết định số 11028/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V xác định diện tích đất thu hồi của gia đình bà H là 45,70m^2. Theo bà H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố V xác nhận tại phiên tòa sơ thẩm thì gia đình bà H bị thu hồi 100% diện tích đất đang sử dụng (giải tỏa trắng). Tại nội dung đơn kháng cáo ngày 12/12/2023 Ủy ban nhân dân thành phố V nêu: "Theo biên bản kiểm kê ngày 09/8/2004 của Ban bồi thường thiệt hại và giải phóng mặt bằng thành phố V diện tích đất bà H sử dụng là 52,33m^2". Như vậy, diện tích đất thu hồi 45,70m^2 thể hiện theo các quyết định trên là không đúng với thực tế sử dụng đất của gia đình bà H.

[4] Theo lời khai của bà H thì: Năm 1984, vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh H, ông Trần Văn G (đã chết năm 1995) khai hoang, làm nhà ở và sử dụng diện tích khoảng hơn 1000m^2 ở khu vực đồi N II. Năm 1988, Ủy ban nhân dân Phường H2 tập hợp tổng số 27 hộ sống rải rác trong khu N để quản lý an ninh nên đã vận động gia đình bà H thu hồi hết diện tích trong màu của gia đình, chỉ để diện tích đất có căn nhà cho gia đình bà H1 ở. Gia đình bà H không thuộc trường hợp được Nhà nước gom dân và giao đất. Phần đất bà H đã quản lý sử dụng ổn định và liên tục từ đó cho đến nay, không ai tranh chấp. Quá trình quản lý, sử dụng bà H không có kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất.

[5] Xét, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Tại đơn xin xác nhận tạm trú ngày 10/12/2010 Công an P3, thành phố V đã xác nhận: "Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu s năm 1965 ở tại 2 L, Phường H, thành phố V từ 1984 cho đến nay".

- Biên bản xác minh ngày 29/01/2011 về việc sử dụng đất của bà H tại số B L của Ủy ban nhân dân Phường H2, thành phố V có sự tham gia của Tổ trưởng tổ Dân phố, cùng những người sống lâu năm tại khu dân cư đã cùng đi đến thống nhất kết luận: "Bà Nguyễn Thị Minh H sinh sống tại 259/7 Lê Hồng phong từ năm 1984 cho đến nay";

- Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất đang ở của bà H được Ủy ban nhân dân Phường H2, thành phố V xác nhận ngày 14/02/2011 thể hiện: "Theo đăng ký

tạm trú tại Công an P3 thì bà Nguyễn Thị Minh H có tạm trú, sống ổn định, không tranh chấp tại khu vực Ngọc T2 từ năm 1984 cho đến nay. Năm 1988, Ủy ban nhân dân Phường H2 đã gom dân thành 27 hộ trong khu vực Ngọc T2; Theo biên bản về việc xác minh việc sử dụng đất tại khu vực bà H1 ngày 29/01/2011 thì trước đó đã có hộ bà Hiếu sinh s1 tại khu vực này. Năm 1989 Ủy ban nhân dân Phường H2 tổ chức đo đạc lập bản đồ giải thửa thì căn nhà bà H thuộc tờ bản đồ số 5, thửa 58, ký hiệu rừng trồng";

- Tại bản lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Huy P1, sinh năm 1957, địa chỉ: B N, Phường H; nguyên là Tổ phó Tổ Dân phố số 27 năm 1990 và là Tổ trưởng Tổ Dân phố năm 1993 (nơi có gia đình bà Hiếu sinh s1) đã xác nhận: "Năm 1986 tôi cùng gia đình vào khu N làm nhà tạm để ở và làm rẫy, đi làm thuê; tôi đã thấy gia đình bà Nguyễn Thị Minh H cùng chồng là Trần Văn G đã ở khu N cho đến nay, gia đình bà H trồng khoai mỳ và trồng cây điều, khoảng 15-20 cây... Năm 1988 Ủy ban nhân dân phường H2 và Công an phường P3 chủ trương gom, tập hợp 27 hộ dân sống rải rác tại khu N vào thành khu dân cư tập trung để quản lý an ninh trật tự, vì diện tích đất của gia đình bà H sử dụng có nguồn gốc là đất Nhà nước chưa sử dụng không có giấy tờ nên bị phường thu hồi (chỉ nói miệng) yêu cầu chia cho một số hộ sống rải rác tập trung lại, tổng số 27 hộ trong đó có hộ gia đình tôi; thuộc Tổ dân phố số 27, sau này đổi tên là Tổ dân phố số A khu phố D phường H thành phố V";

- Văn bản số 1288/UBND-ĐC ngày 29/8/2023 của Ủy ban nhân dân Phường H2 (do người bị kiện cung cấp) thể hiện: "Năm 1988, Ủy ban nhân dân Phường H2 đã gom dân thành 27 hộ trong khu vực N nhưng trước đó có hộ bà Hiếu sinh s1 tại khu vực này".

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trên có cơ sở xác định: Gia đình bà H là người khai hoang sử dụng diện tích đất thu hồi từ năm 1984, không thuộc trường hợp gom dân và được Nhà nước giao đất ở. Gia đình bà H trực tiếp sử dụng đất vào mục đích nhà ở năm 1984 đến nay, không ai tranh chấp. Thời điểm sử dụng đất trước khi Ủy ban nhân dân Phường H2 đo đạc, lập sổ mục kê năm 1989. Vậy, S mục kê sử dụng đất đai năm 1989 thể hiện đất rừng trồng do Công ty D1 đứng tên là không phù hợp với người thực tế sử dụng đất. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 41, khoản 3 Điều 49, khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 thì phần diện tích đất bị thu hồi của bà H đủ điều kiện được bồi thường về đất ở khi thu hồi. Các Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 06/4/2007, Quyết định số 4173/QĐ-UBND ngày 07/11/2007, Quyết định số 11028/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 và văn bản số 2974/UBND-TNMT ngày 04/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V xác định diện tích đất bị thu hồi của bà H không đủ điều kiện bồi thường về đất là không đúng quy định pháp luật. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy các quyết định này về nội dung không bồi thường về đất là có căn cứ.

[6] Ủy ban nhân dân thành phố V kháng cáo cho rằng theo Báo cáo số 81/UBND-ĐC ngày 07/10/2011 của Ủy ban nhân dân Phường H2 về danh sách 27 hộ được Ủy ban nhân dân Phường H2 tổ chức thực hiện gom dân tự năm 1988 thì không có hộ bà H; Văn bản số 1288/UBND-ĐC ngày 29/8/2023 của Ủy ban nhân dân Phường H2 có ý kiến bà H ở từ năm 1984 đến nay… là xác nhận sau khi Nhà nước đã thực hiện thu hồi đất của bà H vào năm 2007, nên việc xác nhận bà H cư trú từ năm 1984 là không đúng.

Xét, nội dung trình bày này của Ủy ban nhân dân thành phố V là không đủ căn cứ để chấp nhận bởi: Ngoài văn bản số 1288/UBND-ĐC ngày 29/8/2023 thì các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời trình bày của người khởi kiện, đã có cơ sở xác định hộ bà H quản lý, sử dụng đất từ năm 1984. Việc hộ bà H không có tên trong danh sách 27 hộ được Ủy ban nhân dân Phường H2 thực hiện gom dân năm 1988 không đủ căn cứ để xác định bà H không đủ điều kiện được bồi thường về đất khi thu hồi.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lập luận này cũng là cơ sở để không chấp nhận đề nghị hủy bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

B2 yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 175/2023/HC-ST ngày 21/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng Điều 49, 50, 51 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H:

- Hủy văn bản số 2974/UBND-TNMT ngày 04/4/2022, Quyết định số

928/QĐ-UBND ngày 06/4/2007, Quyết định số 4173/QĐ-UBND ngày 07/11/2007, Quyết định số 11028/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V đối với nội dung xác định diện tích đất thu hồi của gia đình bà Nguyễn Thị Minh H không đủ điều kiện để bồi thường về đất.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V phải phải ban hành lại Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất thực tế của gia đình bà Nguyễn Thị Minh H đang sử dụng bị thu hồi theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000183 ngày 04/01/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Đương sự;
- Lưu. (Án PPC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Nhựt Bình